TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG A XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 423/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG A XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Mỹ Hạnh

2. Ông Nguyễn Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2836/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3105/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: đường E, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: đường H, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản khai tại Tòa nguyên đơn - bà A *trình bày:*

Bà và ông B tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/7/2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127, Quyển số 01/2010; có 02 con chung tên C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013.

Thời gian chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B không có trách nhiệm với gia đình, đánh vợ nhiều lần làm ảnh hưởng đến tâm lý các con. Ngoài ra, bà và ông B bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra cãi vã; hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không đạt kết quả và ngày càng căng thẳng. Bà nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên sống chung không hạnh phúc; do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông B và được nuôi 02 con chung là C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con. Vợ chồng không có tài sản chung.

Bị đơn – Ông B trình bày:

Thời gian chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2018 ông làm ăn thất bại thiếu nợ nên kinh tế khó khăn và giữa vợ chồng có một số bất đồng trong sinh hoạt nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do ông có vay tiền mẹ bà A chưa trả, mẹ vợ ông có lời lẽ xúc phạm ông dẫn đến hai bên cãi nhau nên mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không thành; nên ông đồng ý ly hôn với bà A. Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi 02 con và không yêu cầu bà A cấp dưỡng cho con. Vợ chồng không có tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành A giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Bà A yêu cầu ly hôn với ông B và được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con;

Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại các Điều 222, Điều 223, Điều 224, Điều 225 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì bà A và ông B tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 127, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 cấp ngày 31/7/2010.

Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do ông B không có trách nhiệm chăm sóc con, đánh vợ nhiều lần làm ảnh hưởng đến tâm lý các con. Ngoài ra bà và ông B bất đồng quan điểm sống, nên

vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Bà A nhận thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống. Ông B đồng ý ly hôn với bà A.

Bà A và ông B đều có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013.

Căn cứ công văn số 380/UBND -TP ngày 15/7/2019 của Ủy ban nhân dân phường F, xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con, ông B và bà A thường xuyên cãi nhau mặc dù đã được chính quyền địa phương mời lên giải quyết, vận động thuyết phục và yêu cầu ông B cam kết không gây ra những hành vi có dấu hiệu bạo lực gia đình tuy nhiên ông B không thực hiện và không chấp hành. Trẻ C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013 do bà A đang trực tiếp nuôi dưỡng và không nhận bất kỳ phụ cấp nào từ ông B; nguyện vọng của trẻ C là được ở với mẹ; do đó yêu cầu của bà A được nuôi 02 con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà A có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con với ông B đang cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn - Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án như quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông B và bà A tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/7/2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127, Quyển số 01/2010; nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà A khai vợ chồng không còn sống chung vì phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được; nguyên nhân là do hai người không cùng quan điểm sống, ông B lấy lý do làm ăn thua lỗ không vui nên thường xuyên về nhà chửi bới, hành hung làm cho cuộc sống của bà và các con luôn hoang mang, lo sợ; công an và Hội phụ nữ phường Phạm Ngũ Lão đã mời ông B lên giải quyết nhiều lần về hành vi bạo lực gia đình.

Ông B cho rằng do ông chưa trả được tiền cho mẹ vợ nên mẹ bà A có lời lẽ xúc phạm ông dẫn đến hai bên cãi nhau và giữa vợ chồng có một số bất đồng trong sinh hoạt, thường xuyên xảy ra cãi vã nên mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không thành nên ông B đồng ý ly hôn với bà A (tại biên bản A giải ngày 25/6/2019).

Xét thấy, ông B và bà A không còn sống chung, hai bên không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình (Điều 19 luật Hôn nhân và Gia đình); tại biên bản A giải ngày 25/6/2019 ông B đã đồng ý ly hôn với bà A chứng tỏ hai bên không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của bà A được ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của bà A được nuôi 02 con chung là C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013 sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì bà A và ông B có 02 con chung là C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013; bà A và ông B đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 380/UBND -TP ngày 15/7/2019 thì cháu C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013 do bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B thường xuyên mượn cớ thăm con rồi gây áp lực cho bà A làm mất an ninh trật tự tại gia đình, cảnh sát khu vực đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông B vẫn tái phạm.

Xét thấy, việc giao con chung cho cha hay mẹ nuôi sau khi ly hôn phải đảm đảm bảo cho con có cuộc sống ổn định và điều kiện phát triển tốt. Từ khi ông B và bà A không còn sống chung, bà A là người trực tiếp chăm sóc và tự lo chi phí nuôi con; cháu C, sinh ngày 08/02/2010 có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu D sinh ngày 30/3/2013 còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc; ông B chưa có chổ ở ổn định và còn phải lo trả nợ cho mẹ bà A. Do bà A có đủ điều kiện nuôi con và để con có cuộc sống ổn định; nên sau khi ly hôn giao bà A nuôi dưỡng 02 con chung là C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cha, mẹ.

Việc thay đổi nuôi con, cấp dưỡng cho con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn – Bà A;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là C, sinh ngày 08/02/2010 và D sinh ngày 30/3/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cha, mẹ.

Việc thay đổi nuôi con, cấp dưỡng cho con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là 300.000 đồng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007136 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thái Hằng